



Thế hệ chiếu sáng bằng bóng Mains T5 LEDtube mới

MASTER LEDtube Mains T5

Bóng Master LEDtube Mains T5 mới của Philips giúp dự án chiếu sáng của bạn trở nên đơn giản. Bạn không cần phải chú ý đến công nghệ của bộ điều khiển nữa. Nhờ thiết kế độc đáo, bạn có thể lắp bóng Master LEDtube Mains T5 của Philips vào bộ đèn đang được đấu nguồn trực tiếp. Thao tác thật đơn giản! Việc lắp bóng MASTER LEDtube Mains T5 của Philips cực an toàn, đáng tin cậy và dễ dàng. Đây là phương án thay thế lý tưởng cho đèn tuýp huỳnh quang tiêu chuẩn để tối đa hóa giá trị qua thời gian sử dụng sản phẩm nhờ khả năng tiết kiệm năng lượng cao và chi phí bảo trì thấp hơn.

Lợi ích

- Giảm chi phí vận hành nhờ mức tiêu thụ năng lượng thấp
- Phí bảo trì thấp hơn nhờ tuổi thọ cao hơn bóng đèn thông thường
- Đây là giải pháp nhanh nhất và dễ nhất để nâng cấp các bộ đèn của bạn lên công nghệ LED;
- quá trình lắp đặt và sản phẩm an toàn tuyệt đối

Tính năng

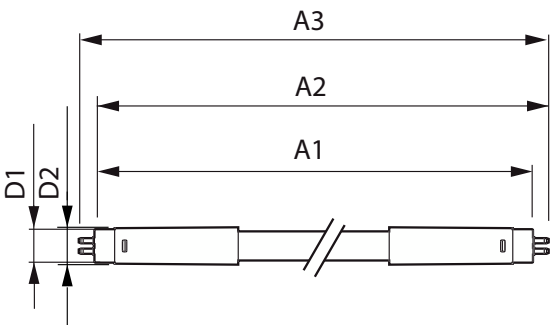
- Thay thế cho bóng đèn T5 hiện đang dùng: hoạt động với kết nối đấu nguồn trực tiếp
- Tiết kiệm năng lượng so với bóng đèn huỳnh quang
- Tuổi thọ cao
- Cho phép triển khai HACCP, được hỗ trợ bởi chứng chỉ NSF cấp sản phẩm
- Không có thủy ngân

Ứng dụng

- Văn phòng, cửa hàng, lớp học
- Cơ sở công nghiệp và nhà kho

MASTER LEDtube Mains T5

Bản vẽ kích thước



Product	D1	D2	A1	A2	A3
MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 830 T5	15,8 mm	19 mm	1.149 mm	1.156,1 mm	1.163,2 mm
MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 840 T5	15,8 mm	19 mm	1.149 mm	1.156,1 mm	1.163,2 mm
MAS LEDtube 1200mm HO 26W 830 T5	15,5 mm	17,1 mm	1.149 mm	1.156 mm	1.163 mm
MAS LEDtube 1200mm HO 26W 840 T5	15,5 mm	17,1 mm	1.149 mm	1.156 mm	1.163 mm
MAS LEDtube 1200mm HO 26W 865 T5	15,5 mm	17,1 mm	1.149 mm	1.156 mm	1.163 mm
MAS LEDtube 1500mm HO 26W 830 T5	15,5 mm	17,1 mm	1.449 mm	1.456 mm	1.463 mm
MAS LEDtube 1500mm HO 26W 840 T5	15,5 mm	17,1 mm	1.449 mm	1.456 mm	1.463 mm
MAS LEDtube 1500mm HO 26W 865 T5	15,5 mm	17,1 mm	1.449 mm	1.456 mm	1.463 mm
MAS LEDtube 600mm HE 8W 830 T5	15,8 mm	19 mm	549 mm	556,1 mm	563,2 mm
MAS LEDtube 600mm HE 8W 840 T5	15,8 mm	19 mm	549 mm	556,1 mm	563,2 mm
MAS LEDtube 600mm HE 8W 865 T5	15,8 mm	19 mm	549 mm	556,1 mm	563,2 mm

Thông tin chung	
Đế dui đèn	G5
Chu kỳ bật/tắt	200.000
Tuổi thọ danh định	50.000 h
Thông tin kỹ thuật về đèn	
Góc chùm sáng (Danh định)	200 °
Chỉ số hoàn màu (CRI)	80
LLMF khi kết thúc tuổi thọ danh định (Danh định)	70 %
Vận hành và điện	
Tần số đầu vào	50 đến 60 Hz
Tần số dòng	50 to 60 Hz
Thời gian khởi động (Danh định)	0,5 s
Điều khiển và điều chỉnh độ sáng	
Có thể điều chỉnh độ sáng	Không
Cơ khí và vỏ đèn	
Lớp hoàn thiện bóng đèn	Sương giả
Hình dạng bóng đèn	T5

Thông tin kỹ thuật về đèn

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)		
		Mã màu	Quang thông	
929001908502	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 830 T5	3000 K	830	3.600 lm
929001908602	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 840 T5	4000 K	840	3.900 lm
929001908702	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 865 T5	6500 K	865	3.900 lm
929001908802	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 830 T5	3000 K	830	3.600 lm
929001908902	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 840 T5	4000 K	840	3.900 lm
929001909002	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 865 T5	6500 K	865	3.900 lm
929002420608	MAS LEDtube 600mm HE 8W 830 T5	3000 K	830	1.000 lm
929002420708	MAS LEDtube 600mm HE 8W 840 T5	4000 K	840	1.050 lm
929002420808	MAS LEDtube 600mm HE 8W 865 T5	6500 K	865	1.050 lm
929002420908	MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 830 T5	3000 K	830	2.300 lm
929002421008	MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 840 T5	4000 K	840	2.500 lm

Vận hành và điện

MASTER LEDtube Mains T5

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ điện
929001908502	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 830 T5	26 W
929001908602	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 840 T5	26 W
929001908702	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 865 T5	26 W
929001908802	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 830 T5	26 W
929001908902	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 840 T5	26 W
929001909002	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 865 T5	26 W

Nhiệt độ

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ vỏ tối đa (Danh định)
929001908502	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 830 T5	65 °C
929001908602	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 840 T5	65 °C
929001908702	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 865 T5	65 °C
929001908802	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 830 T5	65 °C
929001908902	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 840 T5	65 °C
929001909002	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 865 T5	65 °C

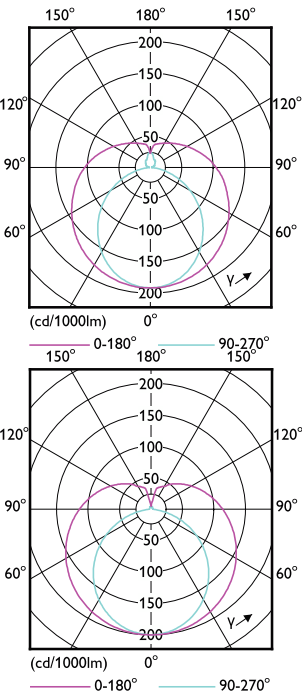
Phê duyệt và ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép	Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h
929001908502	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 830 T5	-20 đến +45°C	26 kWh
929001908602	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 840 T5	-20 đến +45°C	26 kWh
929001908702	MAS LEDtube 1200mm HO 26W 865 T5	-20 đến +45°C	26 kWh
929001908802	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 830 T5	-20 đến +45°C	26 kWh
929001908902	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 840 T5	-20 đến +45°C	26 kWh
929001909002	MAS LEDtube 1500mm HO 26W 865 T5	-20 đến +45°C	26 kWh
929002420608	MAS LEDtube 600mm HE 8W 830 T5	-20 °C đến 45 °C	8 kWh
929002420708	MAS LEDtube 600mm HE 8W 840 T5	-20 °C đến 45 °C	8 kWh
929002420808	MAS LEDtube 600mm HE 8W 865 T5	-20 °C đến 45 °C	8 kWh
929002420908	MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 830 T5	-20 °C đến 45 °C	17 kWh

Order Code	Full Product Name	Mức tiêu thụ điện
929002420608	MAS LEDtube 600mm HE 8W 830 T5	8 W
929002420708	MAS LEDtube 600mm HE 8W 840 T5	8 W
929002420808	MAS LEDtube 600mm HE 8W 865 T5	8 W
929002420908	MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 830 T5	16,5 W
929002421008	MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 840 T5	16,5 W

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ vỏ tối đa (Danh định)
929002420608	MAS LEDtube 600mm HE 8W 830 T5	60 °C
929002420708	MAS LEDtube 600mm HE 8W 840 T5	60 °C
929002420808	MAS LEDtube 600mm HE 8W 865 T5	60 °C
929002420908	MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 830 T5	70 °C
929002421008	MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 840 T5	70 °C

Order Code	Full Product Name	Nhiệt độ môi trường cho phép	Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h
929002421008	MAS LEDtube 1200mm HE 16.5W 840 T5	-20 °C đến 45 °C	17 kWh



MASTER LEDtube Mains T5

